

Số 01/TLT-ĐHCĐ

Vĩnh Phúc, ngày 20 tháng 03 năm 2020

BIÊN BẢN

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA THĂNG LONG

- Tên công ty: Công ty cổ phần Viglacera Thăng Long.
- Trụ sở: Phúc Thắng - Phúc Yên - Vĩnh Phúc.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2500224026 đăng ký lần đầu ngày 29/01/2004 thay đổi lần thứ 14 ngày 18/4/2018.

Hôm nay, vào lúc 9h00 phút ngày 20/03/2020 tại trụ sở Công ty cổ phần Viglacera Thăng Long tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 để xem xét kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2019; kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 và các giải pháp thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty trong thời gian tới.

I. PHẦN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI:

1. Thông qua thành phần đoàn chủ tịch, Ban thư ký và tổ kiểm phiếu biểu quyết.

Đại diện Ban tổ chức giới thiệu đoàn chủ tịch, Ban thư ký và tổ kiểm phiếu biểu quyết của Đại hội. Đại hội đã biểu quyết tán thành với tỷ lệ 100% về thành phần đoàn chủ tịch, ban thư ký và tổ kiểm phiếu theo chức danh như sau:

1.1 Đoàn chủ tịch:

- Ông Lê Tiến Dũng : Chủ tịch HĐQT
- Ông Đoàn Hải Mậu : Ủy viên HĐQT
- Ông Đinh Quang Huy : Ủy viên HĐQT

1.2 Ban thư ký:

- Bà Nguyễn Thị Hiền

1.3 Tổ kiểm phiếu biểu quyết:

- Ông Nguyễn Quang Long
- Ông Ngô Quang Huy
- Ông Vũ An Nguyên

2. Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự, khai mạc Đại hội

Ông Nguyễn Quang Long - Đại diện ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự và Ban tổ chức tuyên bố khai mạc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

- Tổng số cổ đông mời tham dự Đại hội là 501 cổ đông, tương ứng 6.989.800 cổ phần có quyền biểu quyết.

- Số cổ đông và người được ủy quyền có mặt tại Đại hội là 11 người sở hữu 5.837.612 cổ phần, chiếm 83,5 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Căn cứ Khoản 1 điều 141 Luật Doanh nghiệp 2014, Đại hội đã đủ điều kiện tiến hành.

II. PHẦN NỘI DUNG ĐẠI HỘI

1. Thông qua chương trình làm việc tại Đại hội

Ông Nguyễn Quang Long thay mặt ban kiểm tra tư cách cổ đông đọc Quy chế làm việc của Đại hội;

Ông Đoàn Hải Mậu trình bày chương trình làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 và đã được Đại hội thông qua với 100% biểu quyết tán thành chương trình làm việc gồm các nội dung sau:

- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020.

- Báo cáo của Hội đồng quản trị và các giải pháp chỉ đạo thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020.

- Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2019.

- Thông qua mức thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2019 và kế hoạch cho năm 2020.

- Thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2019

- Thông qua Điều lệ Công ty sửa đổi, bổ sung.

- Thông qua Quy chế quản trị sửa đổi, bổ sung.

- Bầu thành viên Ban kiểm soát.

- Thông qua các nội dung ủy quyền cho Hội đồng quản trị và Ban giám đốc.

- Thông qua dự thảo Nghị quyết đại hội.

- Bế mạc Đại hội.

2. Phần thảo luận và biểu quyết tại Đại hội:

Tại Đại hội, đại diện Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành trình bày báo cáo, tờ trình theo nội dung chương trình làm việc đã được Đại hội thông qua.

Ý kiến chất vấn của Cổ đông: Đại hội đã nghe các ý kiến phát biểu của các cổ đông tham dự đi sâu vào các vấn đề tồn tại và các giải pháp thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty.

Ban lãnh đạo Công ty trả lời chất vấn của các cổ đông và được các cổ đông chấp thuận.

Đại hội tiến hành biểu quyết từng nội dung đã được trình bày và thảo luận của Đại hội.

Kết quả kiểm phiếu biểu quyết từng nội dung cụ thể như sau:

Tổng số phiếu phát ra là: 11 phiếu, tương đương 5.837.612 cổ phần.
 Tổng số phiếu thu về là: 11 phiếu, tương đương 5.837.612 cổ phần.

Điều 1: Thông qua báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC, Báo cáo kết quả SXKD năm 2019 của Ban Giám đốc với các chỉ tiêu chính sau đây:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	%TH/KH
1	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	22.000	22.013	100
2	Khấu hao TSCĐ+SCL	Triệu đồng	34.478	36.524	106
3	Nợ phải thu	Triệu đồng	22.500	29.962	133
4	TNBQ người lao động	1000/người/tháng	10.468	11.128	106

Phân biểu quyết:

- Số cổ phần tán thành: 5.837.612 cp, đạt tỷ lệ: 100 %
- Số cổ phần không tán thành: không
- Số cổ phần không có ý kiến: không

Điều 2: Thông qua Báo cáo của HĐQT Công ty năm 2019 và định hướng sản xuất kinh doanh năm 2020.

Phân biểu quyết:

- Số cổ phần tán thành: 5.837.612 cp, đạt tỷ lệ: 100 %
- Số cổ phần không tán thành: không
- Số cổ phần không có ý kiến: không

Điều 3: Thông qua báo cáo kết quả kiểm soát hoạt động SXKD của Ban kiểm soát Công ty năm 2019:

Phân biểu quyết:

- Số cổ phần tán thành: 5.837.612 cp, đạt tỷ lệ: 100 %
- Số cổ phần không tán thành: không
- Số cổ phần không có ý kiến: không

Điều 4: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2019:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Giá trị
1	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	đồng	15.385.123.600
2	Trích lập quỹ đầu tư phát triển	đồng	4.615.537.080
3	Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	đồng	769.256.180
4	Chia cổ tức (10% vốn điều lệ)	đồng	6.989.800.000
5	Lợi nhuận để lại tái cơ cấu tài chính	Đồng	2.854.530.340

Phân biểu quyết:

- Số cổ phần tán thành: 5.837.612 cp, đạt tỷ lệ: 100 %

- Số cổ phần không tán thành: không
- Số cổ phần không có ý kiến: không

Điều 5: Thông qua mức thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát năm 2019:

- Thù lao của Hội đồng quản trị : 264.000.000 đồng.
- Thù lao Ban kiểm soát : 67.500.000 đồng.

Phân biểu quyết:

- Số cổ phần tán thành: 5.837.612 cp, đạt tỷ lệ: 100 %
- Số cổ phần không tán thành: không
- Số cổ phần không có ý kiến: không

Điều 6: Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 của Ban giám đốc với những nội dung sau đây:

- Lợi nhuận trước thuế : 26.120 triệu đồng.
- Khấu hao TSCĐ : 24.434 triệu đồng.
- Dự nợ phải thu : 22.500 triệu đồng.
- Thu nhập bình quân: 10.927.000 đồng/người/tháng.
- Mức cổ tức tối thiểu : 10%

Phân biểu quyết:

- Số cổ phần tán thành: 5.837.612 cp, đạt tỷ lệ: 100 %
- Số cổ phần không tán thành: không
- Số cổ phần không có ý kiến: không

Điều 7: Thông qua chủ trương dự kiến nghiên cứu đầu tư Dây chuyền sản xuất gạch ốp lát công suất 3 triệu m2/năm:

Phân biểu quyết:

- Số cổ phần tán thành: 5.837.612 cp, đạt tỷ lệ: 100 %
- Số cổ phần không tán thành: không
- Số cổ phần không có ý kiến: không

Điều 8: Thông qua Công tác đầu tư chiều sâu năm 2020:

TT	Hạng mục	Dự toán (đồng)	Ghi chú
1	Máy nghiền 60 tấn	5.306	
2	Máy in kỹ thuật số System	7.109	
3	Dây chuyền mài bóng	19.622	
4	Máy nén khí	836	
5	Hệ thống rửa xe tự động	534	
6	Cải tạo hệ thống cáp điện	3.698	
7	Máy nghiền men (02 máy) 5 tấn	3.149	
	Tổng cộng	40.254	

Phân biểu quyết:

- Số cổ phần tán thành: 5.837.612 cp, đạt tỷ lệ: 100 %

- Số cổ phần không tán thành: không
- Số cổ phần không có ý kiến: không

Điều 9: Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty :

Phân biểu quyết:

- Số cổ phần tán thành: 5.837.612 cp, đạt tỷ lệ: 100 %
- Số cổ phần không tán thành: không
- Số cổ phần không có ý kiến: không

Điều 10: Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị Công ty :

Phân biểu quyết:

- Số cổ phần tán thành: 5.837.612 cp, đạt tỷ lệ: 100 %
- Số cổ phần không tán thành: không
- Số cổ phần không có ý kiến: không

Điều 11: Bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát Công ty :

Bà Sài Thị Ngát là Thành viên Ban kiểm soát Công ty.

Phân biểu quyết:

- Số cổ phần tán thành: 5.837.612 cp, đạt tỷ lệ: 100 %
- Số cổ phần không tán thành: không
- Số cổ phần không có ý kiến: không

Điều 12: Mức thù lao của HĐQT, BKS năm 2020 :

Thực hiện theo Quyết định số 88/TCT-HĐQT ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty về Quy chế Người đại diện của Tổng Công ty Viglacera – CTCP tại các doanh nghiệp khác. Cụ thể :

Chủ tịch Hội đồng quản trị :	15.000.000 đ/ quý
Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc :	12.000.000 đ/ quý
Các thành viên HĐQT khác :	9.000.000 đ/quý
Trưởng ban kiểm soát :	10.500.000 đ/quý
Thành viên BKS :	4.500.000 đ/quý

Phân biểu quyết:

- Số cổ phần tán thành: 5.837.612 cp, đạt tỷ lệ: 100 %
- Số cổ phần không tán thành: không
- Số cổ phần không có ý kiến: không

Điều 13: Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán, kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020:

Công ty kiểm toán được lựa chọn kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 thuộc danh sách các Công ty kiểm toán doanh nghiệp niêm yết được UBCK nhà nước công bố.

Phân biểu quyết:

- Số cổ phần tán thành: 5.837.612 cp, đạt tỷ lệ: 100 %
- Số cổ phần không tán thành: không
- Số cổ phần không có ý kiến: không

**Điều 14: Thông qua việc niêm yết cổ phiếu của Công ty trên sàn HNX :
Phần biểu quyết:**

- Số cổ phần tán thành: 5.837.612 cp, đạt tỷ lệ: 100 %
- Số cổ phần không tán thành: không
- Số cổ phần không có ý kiến: không

Điều 15: Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty các nội dung sau đây:

- Ủy quyền phê duyệt và triển khai các công tác đầu tư mới tài sản; công tác sửa chữa lớn TSCĐ; công tác thanh lý các tài sản cố định không cần dùng theo đúng pháp luật và đảm bảo hiệu quả.
- Ủy quyền phê duyệt các báo cáo đầu tư, sửa chữa lớn TSCĐ; quyết toán vốn đầu tư; quyết toán công tác sửa chữa lớn TSCĐ của Công ty trong phạm vi quyền hạn của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc được quy định trong điều lệ của Công ty và theo quy định của Pháp luật.
- Ủy quyền quyết định các phương án vay vốn, phương án thế chấp tài sản để vay vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty.
- Ủy quyền chỉ đạo điều hành các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty theo các chỉ tiêu đã đề ra trong Nghị quyết này.

Phần biểu quyết:

- Số cổ phần tán thành: 5.837.612 cp, đạt tỷ lệ: 100 %
- Số cổ phần không tán thành: không
- Số cổ phần không có ý kiến: không

Đại hội đồng cổ đông thông qua toàn văn các báo cáo trình trước đại hội và giao cho HĐQT, Ban kiểm soát, triển khai thực hiện các nội dung đã được nghị quyết trên đây và báo cáo kết quả vào đại hội cổ đông kỳ họp lần sau.

III. PHẦN TỔNG KẾT ĐẠI HỘI

1. Thông qua biên bản và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 20/3/2020. Bà Nguyễn Thị Hiền - thư ký đại hội trình bày dự thảo Nghị quyết Đại hội và đã được Đại hội biểu quyết thông qua với 100% phiếu tán thành.

2. Bế mạc: Ông Lê Tiến Dũng, thay mặt Đoàn chủ tịch tuyên bố bế mạc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty cổ phần Viglacera Thăng Long kết thúc vào hồi 12 h cùng ngày.

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

THƯ KÝ



Bà Nguyễn Thị Hiền

TM ĐOÀN CHỦ TỊCH



Ông Lê Tiến Dũng

Số 02/TLT-ĐHCĐ

Vĩnh Phúc, ngày 20 tháng 3 năm 2020

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA THĂNG LONG

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ điều lệ của Công ty cổ phần Viglacera Thăng Long.
- Căn cứ vào Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Viglacera Thăng Long ngày 20/3/2020.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Viglacera Thăng Long được tổ chức tại trụ sở Công ty; Địa chỉ: Phường Phúc Thắng – Thành phố Phúc Yên – Tỉnh Vĩnh Phúc vào ngày 20 tháng 3 năm 2020.

Tham dự đại hội có 11 cổ đông sở hữu 5.837.612 cổ phần và chiếm tỷ lệ 83,5 % trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

ĐẠI HỘI QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC, Báo cáo kết quả SXKD năm 2019 của Ban Giám đốc với các chỉ tiêu chính sau đây:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	% TH/KH
1	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	22.000	22.013	100
2	Khấu hao TSCĐ+SCL	Triệu đồng	34.478	36.524	106
3	Nợ phải thu	Triệu đồng	22.500	29.962	133
4	TNBQ người lao động	1000/người/tháng	10.468	11.128	106

Phân biểu quyết:

- Số cổ phần tán thành: 5.837.612 cp, đạt tỷ lệ: 100 %
- Số cổ phần không tán thành: không
- Số cổ phần không có ý kiến: không

Điều 2: Thông qua Báo cáo của HĐQT Công ty năm 2019 và định hướng sản xuất kinh doanh năm 2020.

Phân biểu quyết:

- Số cổ phần tán thành: 5.837.612 cp, đạt tỷ lệ: 100 %

- Số cổ phần không tán thành: không
- Số cổ phần không có ý kiến: không

Điều 3: Thông qua báo cáo kết quả kiểm soát hoạt động SXKD của Ban kiểm soát Công ty năm 2019:

Phân biểu quyết:

- Số cổ phần tán thành: 5.837.612 cp, đạt tỷ lệ: 100 %
- Số cổ phần không tán thành: không
- Số cổ phần không có ý kiến: không

Điều 4: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2019:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Giá trị
1	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	đồng	15.385.123.600
2	Trích lập quỹ đầu tư phát triển	đồng	4.615.537.080
3	Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	đồng	769.256.180
4	Chia cổ tức (10% vốn điều lệ)	đồng	6.989.800.000
5	Lợi nhuận để lại tái cơ cấu tài chính	Đồng	2.854.530.340

Phân biểu quyết:

- Số cổ phần tán thành: 5.837.612 cp, đạt tỷ lệ: 100 %
- Số cổ phần không tán thành: không
- Số cổ phần không có ý kiến: không

Điều 5: Thông qua mức thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát năm 2019:

- Thù lao của Hội đồng quản trị : 264.000.000 đồng.
- Thù lao Ban kiểm soát : 67.500.000 đồng.

Phân biểu quyết:

- Số cổ phần tán thành: 5.837.612 cp, đạt tỷ lệ: 100 %
- Số cổ phần không tán thành: không
- Số cổ phần không có ý kiến: không

Điều 6: Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 của Ban giám đốc với những nội dung sau đây:

- Lợi nhuận trước thuế : 26.120 triệu đồng.
- Khấu hao TSCĐ : 24.434 triệu đồng.
- Dự nợ phải thu : 22.500 triệu đồng.
- Thu nhập bình quân: 10.927.000 đồng/người/tháng.
- Mức cổ tức tối thiểu : 10%

Phân biểu quyết:

- Số cổ phần tán thành: 5.837.612 cp, đạt tỷ lệ: 100 %
- Số cổ phần không tán thành: không
- Số cổ phần không có ý kiến: không

Điều 7: Thông qua chủ trương dự kiến nghiên cứu đầu tư Dây chuyền sản xuất gạch ốp lát công suất 3 triệu m²/năm:

Phân biểu quyết:

- Số cổ phần tán thành: 5.837.612 cp, đạt tỷ lệ: 100 %
- Số cổ phần không tán thành: không
- Số cổ phần không có ý kiến: không

Điều 8: Thông qua Công tác đầu tư chiều sâu năm 2020:

TT	Hạng mục	Dự toán (đồng)	Ghi chú
1	Máy nghiền 60 tấn	5.306	
2	Máy in kỹ thuật số System	7.109	
3	Dây chuyền mài bóng	19.622	
4	Máy nén khí	836	
5	Hệ thống rửa xe tự động	534	
6	Cải tạo hệ thống cáp điện	3.698	
7	Máy nghiền men (02 máy) 5 tấn	3.149	
	Tổng cộng	40.254	

Phân biểu quyết:

- Số cổ phần tán thành: 5.837.612 cp, đạt tỷ lệ: 100 %
- Số cổ phần không tán thành: không
- Số cổ phần không có ý kiến: không

Điều 9: Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty :

Phân biểu quyết:

- Số cổ phần tán thành: 5.837.612 cp, đạt tỷ lệ: 100 %
- Số cổ phần không tán thành: không
- Số cổ phần không có ý kiến: không

Điều 10: Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị Công ty :

Phân biểu quyết:

- Số cổ phần tán thành: 5.837.612 cp, đạt tỷ lệ: 100 %
- Số cổ phần không tán thành: không
- Số cổ phần không có ý kiến: không

Điều 11: Bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát Công ty :

Bà Sái Thị Ngát là Thành viên Ban kiểm soát Công ty.

Phân biểu quyết:

- Số cổ phần tán thành: 5.837.612 cp, đạt tỷ lệ: 100 %
- Số cổ phần không tán thành: không
- Số cổ phần không có ý kiến: không

Điều 12: Mức thù lao của HĐQT, BKS năm 2020 :

Thực hiện theo Quyết định số 88/TCT-HĐQT ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty về Quy chế Người đại diện của Tổng Công ty Viglacera – CTCP tại các doanh nghiệp khác. Cụ thể :

Chủ tịch Hội đồng quản trị : 15.000.000 đ/ quý

Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc :	12.000.000 đ/ quý
Các thành viên HĐQT khác :	9.000.000 đ/quý
Trưởng ban kiểm soát :	10.500.000 đ/quý
Thành viên BKS :	4.500.000 đ/quý

Phân biểu quyết:

- Số cổ phần tán thành: 5.837.612 cp, đạt tỷ lệ: 100 %
- Số cổ phần không tán thành: không
- Số cổ phần không có ý kiến: không

Điều 13: Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán, kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020:

Công ty kiểm toán được lựa chọn kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 thuộc danh sách các Công ty kiểm toán doanh nghiệp niêm yết được UBCK nhà nước công bố..

Phân biểu quyết:

- Số cổ phần tán thành: 5.837.612 cp, đạt tỷ lệ: 100 %
- Số cổ phần không tán thành: không
- Số cổ phần không có ý kiến: không

Điều 14: Thông qua việc niêm yết cổ phiếu của Công ty trên sàn HNX :

Phân biểu quyết:

- Số cổ phần tán thành: 5.837.612 cp, đạt tỷ lệ: 100 %
- Số cổ phần không tán thành: không
- Số cổ phần không có ý kiến: không

Điều 15: Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty các nội dung sau đây:

- Ủy quyền phê duyệt và triển khai các công tác đầu tư mới tài sản; công tác sửa chữa lớn TSCĐ; công tác thanh lý các tài sản cố định không cần dùng theo đúng pháp luật và đảm bảo hiệu quả.

- Ủy quyền phê duyệt các báo cáo đầu tư, sửa chữa lớn TSCĐ; quyết toán vốn đầu tư; quyết toán công tác sửa chữa lớn TSCĐ của Công ty trong phạm vi quyền hạn của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc được quy định trong điều lệ của Công ty và theo quy định của Pháp luật.

- Ủy quyền quyết định các phương án vay vốn, phương án thế chấp tài sản để vay vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty.

- Ủy quyền chỉ đạo điều hành các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty theo các chỉ tiêu đã đề ra trong Nghị quyết này.

Phân biểu quyết:

- Số cổ phần tán thành: 5.837.612 cp, đạt tỷ lệ: 100 %
- Số cổ phần không tán thành: không
- Số cổ phần không có ý kiến: không

Điều 16: Đại hội đồng cổ đông thông qua toàn văn các báo cáo trình trước đại hội và giao cho HĐQT, Ban kiểm soát, triển khai thực hiện các nội dung đã được nghị quyết trên đây và báo cáo kết quả vào đại hội cổ đông kỳ họp lần sau.

T/M ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG



Chủ tọa đại hội

Lê Tiến Dũng

Nơi nhận:

- Ủy ban CKNN; Sở GD chứng khoán Hà Nội
- Đại hội đồng cổ đông
- HĐQT Công ty
- BKS Công ty
- Giám đốc Công ty
- Các phòng ban.

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

PHẦN THỨ NHẤT
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SXKD NĂM 2019

I. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu SXKD chính:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	So sánh với KH 2019		So sánh với TH 2018	
						%	TH-KH	%	TH 19-TH 18
1	LN trước thuế	tr.đồng	20.027	22.000	22.013	100	13	110	1.986
2	Tổng doanh thu	tr.đồng	558.948	586.571	588.730	100	2.159	105	29.782
3	Khấu hao TSCĐ	tr.đồng	41.419	34.478	36.524	106	2.046	88	-4.895
	KH cơ bản	tr.đồng	22.919	16.632	18.680	112	2.048	82	-4.239
	Khấu hao SCL	tr.đồng	18.500	17.846	17.844	100	-2	96	-656
4	Giá trị SXCN	tr.đồng	588.274	555.891	598.935	108	43.044	102	10.661
5	Giá trị tồn kho TP	tr.đồng	87.228	50.775	97.329	192	46.554	112	10.101
6	Công nợ phải thu	tr.đồng	23.857	22.500	31.654	141	9.154	133	7.797
7	Chi phí bán hàng	tr.đồng	9.412	12.425	8.880	71	-3.545	94	-532
8	Chi phí Quản lý	tr.đồng	17.196	19.476	19.591	101	115	114	2.395
9	Chi phí Tài chính	tr.đồng	12.623	11.458	13.331	116	1.873	106	708
10	Lao động bình quân	người	397	406	382	94	-24	96	-15
11	Thu nhập BQ/ng/thg	1000đ	9.797	10.468	11.128	106	660	114	1.331

1. Lợi nhuận trước thuế: Lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 22.013 triệu đồng bằng 100 % so với kế hoạch và bằng 110 % so với thực hiện năm 2018.

2. Doanh thu: Doanh thu của Công ty đạt 588.730 triệu đồng bằng 100% kế hoạch và tăng 5 % so với thực hiện năm 2018.

3. Giá trị SXCN: Công ty đạt 598.935 triệu đồng, bằng 108% kế hoạch năm và tăng 2 % so với thực hiện năm 2018

4. Khấu hao TSCĐ: Thực hiện khấu hao cơ bản 18.680 triệu đồng, bằng 112% kế hoạch năm và bằng 82 % so với thực hiện năm 2018; Khấu hao sửa chữa lớn 17.844 triệu đồng bằng 100 % kế hoạch năm và bằng 96 % so với thực hiện năm 2018.

5. Tồn kho thành phẩm: Tồn kho thành phẩm thời điểm 31/12/2019 là 1.570.230 m2 giá trị là 97.329 triệu đồng, tương ứng tăng so với kế hoạch 46 tỷ đồng, tăng so với năm 2018 là 10 tỷ đồng.

6. Dư nợ phải thu: Dư nợ phải thu 31/12/2019 là 31.654 triệu đồng tăng so với kế hoạch 9.154 triệu đồng và tăng so với thực hiện năm 2018 là 7.797 triệu đồng.

7. Thu nhập bình quân: Đạt 11.128.000 đồng/người/tháng bằng 106% kế hoạch và tăng 14 % so với thực hiện năm 2018.

II. Đánh giá các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019

1. Công tác sản xuất

1.1 Sản lượng sản xuất:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	So sánh	
						TH2019/ KH2019	TH2019/ TH2018
1	PXSX01	<i>m2</i>	6.250.404	6.084.800	6.784.402	111	109
	KT 250x400	m2	825.045	1.416.800	1.046.748	74	127
	KT 300x450	m2	2.288.875	1.402.500	1.625.087	116	71
	KT 300x600	m2	3.136.484	3.055.500	4.112.567	135	131
	KT 300x750	m2		210.000		0	
2	PXSX02	<i>m2</i>	2.287.308	2.015.200	2.059.618	102	90
	KT 300x300 BS	m2		78.600	8.973	11	
	KT 300x600 BS	m2	1.299.247	645.000	518.578	80	40
	KT 300x600 GC	m2	215.850		99.682		46
	KT 150x600	m2		177.500	153.595	87	
	KT 300x300 GC	m2		149.100	36.662	25	
	KT 300x300 JS	m2			76.757		
	Ngói phẳng T	m2	18.730	160.000	0	0	0
	Ngói sóng S	m2		160.000	467.225	292	
	Ngói sóng R	m2	753.482	645.000	285.973	44	38
	Ngói sóng Q	m2			412.172		
	Cộng		8.537.712	8.100.000	8.844.020	109	104

Trong năm 2019 Sản lượng sản xuất của Công ty đạt 8.844.020 m2 tăng 9 % so với kế hoạch và tăng 4 % so với thực hiện năm 2018, trong đó:

* Phân xưởng sản xuất 01

Sản lượng sản xuất đạt 6.784.402 m2 tăng 11 % so với kế hoạch và tăng 9% so với thực hiện năm 2018 trong đó nguyên nhân chủ yếu là do Phân xưởng sản xuất 01 đã tăng được sản lượng tại dây chuyền 01 từ mức trung bình 10.500 m2 trong năm 2018 lên 11.800 m2 trong năm 2019.

* Phân xưởng sản xuất 02

Sản lượng sản xuất đạt 2.059.618 m2 tăng 2 % so với kế hoạch và giảm 10 % so với thực hiện năm 2018. Nguyên nhân sản lượng giảm hơn so với năm 2018 là do Phân xưởng sản xuất 02 đã sản xuất tăng cơ cấu sản phẩm ngói S và sản phẩm khiêm thị (30%).

1.2 Về chất lượng sản phẩm.

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2018	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	So sánh	
							TH2019/ KH2019	TH2019/ TH2018
1	PXSX01	%	93,2	93,2	95,0	95,1	100	102
	KT 250x400	%	94,2	94,2	95,0	96,0	101	102
	KT 300x450	%	92,2	92,2	95,0	95,5	100	103
	KT 300x600	%	93,6	93,6	95,0	94,7	100	101
2	PXSX02	%	90,4	90,4	94,3	90,9	96	101
	KT 300x300 BS				94,0	92,9	99	
	KT 300x600 BS	%	87,8	87,3	94,0	90,6	96	104
	KT 300x600 GC	%	95,4	97,2	95,0	94,4	99	97

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2018	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	So sánh	
							TH2019/ KH2019	TH2019/ TH2018
	KT 150x600	%			95,0	93,3	98	
	KT 300x300 GC	%			95,0	100,0	105	
	KT 300x300 JS	%			95,0	84,0	88	
	Ngói sóng S	%			95,0	88,7	93	
	Ngói sóng R	%	94,6	95,4	95,0	91,4	96	96
	Ngói sóng Q	%			95,0	92,3	97	
	Cộng		92,4	92,4	94,8	94,1	99	102

Chất lượng sản phẩm toàn Công ty đạt 94,1 % bằng 99% kế hoạch 2019 và tăng 2% so với thực hiện năm 2018, các sản phẩm cơ bản đều đạt TCCS của Tổng công ty.

- Chất lượng sản phẩm tại PXSX 01 đạt 95,1% bằng 100 % kế hoạch và tăng 2% so với thực hiện năm 2018..

- Chất lượng sản phẩm tại PXSX 02 đạt 90,9% bằng 96 % kế hoạch và bằng 101% so với thực hiện năm 2018. Chất lượng sản phẩm không đạt là do Công ty đã tập trung phát triển các sản phẩm mới ngói S, Q, gạch khiếm thị. Các sản phẩm này đều có tính chất đặc thù rất khó sản xuất nên phân xưởng sản xuất gặp rất nhiều khó khăn trong giai đoạn đầu.

1.3 Về tỷ lệ thu hồi

TT	Nội dung	ĐVT	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	So sánh	
						TH2019/ KH2019	TH2019/ TH2018
1	PXSX01	%	98,1	98,0	98,1	100	100
2	PXSX02	%	95,7	97,5	96,2	99	101
	Cộng	%	97,4	97,9	97,7	100	100

Tỷ lệ thu hồi sản phẩm của Công ty trong năm 2019 đạt 97,7%, bằng 100% kế hoạch 2019 và bằng 100 % so với thực hiện năm 2018. Trong đó:

Phân xưởng sản xuất 1: Chỉ tiêu thu hồi thực hiện đạt 100% kế hoạch và bằng 100% so với thực hiện năm 2018.

Phân xưởng sản xuất 2: Chỉ tiêu thu hồi tại PXSX2 thực hiện còn thấp. Nguyên nhân chủ yếu do các lỗi nứt rạn, sồi rỗ ở sản phẩm ngói, tỷ lệ thu hồi chưa cao khi sản xuất dòng sản phẩm cho người khiếm thị và lỗi chấm đen, vệt in đối với sản phẩm bán sứ.

2. Công tác bán hàng

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	So sánh	
						TH2019/ KH2019	TH2019- KH 2019
1	Doanh thu tiêu thụ	tr đ	558.261	586.571	588.730	100	2.159
2	Sản lượng tiêu thụ	m2	8.295.244	8.535.000	8.579.480	101	44.480
3	Giá bán bình quân	đồng/m2	67.299	69.872	68.639	98	-1.233
4	Sản lượng tồn kho	m2	1.316.402	800.000	1.570.230	196	770.230

Năm 2019 doanh thu của Công ty đạt 588.730 triệu đồng bằng 100 % kế hoạch và tăng 5,5 % so với thực hiện năm 2018.

Về sản lượng tồn kho thời điểm 31/12/2019 là 1.570.230 m² tăng so với kế hoạch 770.230 m² và tăng so với thời điểm 31/12/2018 là 253.828 m².

3. Công tác khoa học công nghệ

3.1 Về công nghệ

- Công ty đã nghiên cứu bài phối liệu xương, men để ổn định sản xuất phù hợp với điều kiện tăng sản lượng sản xuất.

- Thử nghiệm đưa vào sử dụng bài men ngói trên hệ men BH515 giảm giá được 2.500 đồng/m² đối với sản phẩm ngói S12.

- Phòng kỹ thuật thường xuyên phối hợp với Phân xưởng để xử lý các yếu tố công nghệ phát sinh để nhanh chóng đưa sản xuất về ổn định.

3.2 Về cải tiến thiết bị và đầu tư.

- Trong năm 2019 Công ty đã thực hiện đầu tư 03 Robot và 04 máy đóng hộp thả ke góc tự động đã giảm được lao động nặng nhọc với lao động giảm là 18 người.

- Khôi phục xe xúc Kawasaki.

- Di chuyển dây chuyền đóng ngói tạo mặt bằng thông thoáng và giảm được nhiệt độ ngói trước khi vào đóng hộp.

- Làm hệ thống thu hồi bột ép để tuần hoàn bột ép đưa vào sử dụng giảm công việc cho công nhân tại bộ phận máy ép.

3.3 Công tác phát triển sản phẩm mới:

- Công ty đã phát triển thành công sản phẩm ngói S,Q và gạch khiếm thị

- Tập trung phối hợp với Công ty kinh doanh trong việc phát triển mẫu mới sử dụng hiệu ứng khuôn và hiệu ứng đầu in cho các sản phẩm KT300x600.

- Từ tháng 09/2019 Công ty đã thực hiện công tác chuẩn bị triển khai cho sản xuất sản phẩm mới xương trắng với bộ thương hiệu Viglacera Platinum.

4. Công tác đầu tư, xây dựng cơ bản và đáp ứng nguyên liệu đầu vào.

4.1 Công tác đầu tư, xây dựng cơ bản.

Công ty đã thực hiện công tác đầu tư theo kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Trong năm 2019 Công ty đã thực hiện đầu tư các hạng mục sau:

- Mở rộng nhà xưởng Phân xưởng sản xuất 02.

- Mở rộng kho ngói, làm mái kho gạch thành phẩm, làm kho than cám.

- Làm tường rào bao quanh công ty.

- Đầu tư hệ thống sử dụng nước mặt sông Cà Lồ, bể lọc nước thải trạm than.

- Cải tạo, mở rộng khu bếp nấu nhà ăn ca và làm nhà vệ sinh cho công nhân.

- Đầu tư 4 dây chuyền đóng gói tự động và 03 hệ robot bốc gạch xếp kệ.

- Thường xuyên thực hiện sửa sang làm đẹp xung quanh Công ty, thay mái nhà bị hỏng và xử lý những điểm mưa dột toàn bộ hệ thống nhà xưởng của Công ty.

* Chi phí đầu tư quyết toán cụ thể như sau:

TT	Nội dung	Giá trị quyết toán (triệu đồng)	Ghi chú
I	Phân xưởng sản xuất 01	10.306	
1	Phòng cơ lý	648	
2	Kho ngói base	755	
3	Tường rào	423	
4	Bể lọc trạm than	242	
5	Trạm xử lý nước mặt	1.173	
6	Mái kho thành phẩm	1.219	
7	Nhà vệ sinh	294	
8	Máy đóng hộp tự động 2	501	
9	Máy đóng hộp tự động 1	516	
10	Robot Line 1-2 (PX1)	1.810	
11	Robot Line 3 (PX1)	1.590	
12	Kho than cám	258	
13	Đường vào kho thành phẩm	552	
14	Nền móng trạm LPG	326	
II	Phân xưởng sản xuất 02	5.975	
1	Mở rộng nhà xưởng PXSX02	3.094	
2	Robot Line 4-5 (PX2)	1.832	
3	Máy đóng hộp tự động 3	501	
4	Máy dán vỏ hộp gạch	390	
5	Máy hút bụi	158	
	Tổng cộng	16.282	

4.2. Công tác đáp ứng nguyên liệu, vật tư.

- Trong năm 2019 Phòng kế hoạch sản xuất cơ bản đáp ứng đầy đủ vật tư cho sản xuất không để ảnh hưởng lớn đến sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Công tác dự trữ đất sét được thực hiện nghiêm túc. Lượng dự trữ đất sét tại Công ty duy trì ở mức đủ 01 năm cho sản xuất.

5. Công tác tổ chức lao động, chế độ chính sách cho người lao động và công tác đào tạo

5.1 Về công tác tổ chức lao động:

- Lao động bình quân năm 382/406 người đạt 94% kế hoạch

- Tuyển dụng lao động mới trong năm 24 lao động, nghỉ việc 60 lao động (trong đó lao động trên 5 năm là 11 người). Trong năm 2019 cơ bản đã đáp ứng đầy và kịp thời nhu cầu về nhân lực phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong đó chủ yếu là lao động thời vụ phục vụ cắt gạch cho PXSX02.

- Tiếp tục tuyển bổ sung lao động có tay nghề cao, kinh nghiệm làm trong ngành ceramic, các kỹ sư Silicate, điện, tự động hóa, cơ khí, chế tạo máy ...

5.2 Về thực hiện chế độ chính sách cho người lao động.

+ BHXH: Tổng số tiền nộp cả lũy kế đến hết 31/12/2018 và phát sinh trong năm 2019 là 6,7 tỷ đồng. Đến thời điểm ngày 31/12/2019 Công ty không nợ BHXH.

- + Quyết toán và thanh toán chế độ ốm đau, thai sản cho 54 lượt người là 185.325.600 đồng.
- + Chi trả trợ cấp cho 11 lao động tương đương với số tiền là 167.659.600 đồng
- + Thực hiện chốt sổ cho người lao động đúng thời hạn đảm bảo quyền lợi cho người lao động được hưởng chế độ bảo hiểm thất nghiệp.

5.3 Về công tác đào tạo:

Trong năm 2019 Công ty thực hiện đào tạo công tác an toàn lao động cho toàn bộ CBCNV Công ty. Công ty phối hợp cùng trường cao đẳng Viglacera mở các lớp đào ngắn hạn nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ và tay nghề cho CBCNV Công ty. Ngoài ra Công ty còn cử cán bộ đi tập huấn các trường đào tạo bên ngoài như: Tập huấn Luật Môi trường, 5S/Kaizen; ISO, Nghiệp vụ thuế, Lao động tiền lương. Công ty thường xuyên cho CBCNV thăm quan học hỏi các đơn vị trong Tổng công ty Viglacera cũng như các đơn vị bên ngoài cùng ngành và thăm quan học hỏi tại Trung Quốc.

Các lớp đào tạo cụ thể như sau:

TT	Tên lớp	Số học viên	Thời gian đào tạo
1	Huấn luyện ATLĐ	352	Tháng 03/2019
2	Đào tạo sơ cấp cứu cho CBCNV	82	Tháng 05/2019
3	Đào tạo kỹ năng làm việc nhóm	24	Tháng 05/2019
4	Đào tạo văn hóa doanh nghiệp	28	Tháng 06/2019
5	Đào tạo kỹ năng cho người lao động	27	Tháng 06/2019
6	Đào tạo cho cán bộ quản lý cấp cơ sở	28	Tháng 08/2019
7	Đào tạo nung sản phẩm	18	Tháng 09/2019
8	Đào tạo trang trí sản phẩm	21	Tháng 09/2019
9	Đào tạo sản xuất men	17	Tháng 12/2019
10	Đào tạo về tạo hình sản phẩm	13	Tháng 12/2019
11	Đào tạo công đoạn sấy mộc	20	Tháng 12/2019

6. Công tác vệ sinh, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, môi trường và ISO

- Công tác an ninh trật tự, giám sát Nhập – Xuất kho thành phẩm, vật tư nguyên, nhiên vật liệu được duy trì tốt;

- Đảm bảo tốt công tác ANTT không để xảy ra thất thoát tài sản của công ty.

- Thường xuyên hướng dẫn nhắc nhở đôn đốc CBCNV thực hiện nghiêm túc nội quy, quy định của Công ty, đặc biệt chú trọng trong việc thực hiện đúng quy định về giờ làm việc, giờ nghỉ ngơi và công tác bảo hộ lao động của CBCNV.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát và quyết liệt trong việc nhắc nhở, xử lý các nguy cơ mất an toàn, không để xảy ra việc mất an toàn trong sản xuất, đảm bảo công tác vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy nổ, phòng chống bão lụt.

- Công tác thực hiện 5S - Kaizen đã được duy trì và ngày một hoàn thiện, đã trở thành công việc hàng ngày của người lao động.

7. Những tồn tại cần khắc phục:

Trong năm vừa qua mặc dù Công ty đã vượt chỉ tiêu về sản lượng sản xuất, các chỉ tiêu lợi nhuận, doanh thu đều hoàn thành nhưng chỉ tiêu tồn kho thành phẩm còn cao và tăng hơn so với năm 2018. Ngoài các yếu tố khách quan, Công ty nhận thấy cần khắc phục trong quản lý điều hành từ yếu tố chủ quan cụ thể như sau:

- Chỉ tiêu chất lượng và hao hụt tại PXSX02 chưa đạt.
- Công tác khoán quản đã triển khai nhưng người lao động từ quản lý cấp tổ trưởng đến công nhân chưa thực sự thấu hiểu, các chỉ tiêu giao khoán vẫn còn những điểm chưa phù hợp cần điều chỉnh.
- Công tác phát triển mẫu mã sản phẩm còn dàn trải, chưa tập trung thành bộ theo chủ đề.
- Công tác phối hợp với Công ty kinh doanh còn tồn tại một số điểm sau:
 - + Chưa giảm được hàng tồn kho theo kế hoạch và chưa quy hoạch được mẫu mã sản phẩm.
 - + Công tác phát triển sản phẩm mới KT 300x750 chưa đạt kế hoạch.
 - Công tác môi trường có những chuyển biến tích cực tuy nhiên tại bộ phận máy ép lượng bột phát tán còn nhiều, lượng bụi qua ống khói sấy phun vẫn chưa được kiểm soát kỹ.
 - Công tác 5S tuy đã được triển khai nhưng các bộ phận vẫn chưa duy trì máy móc thiết bị, khu vực làm việc luôn luôn sạch sẽ mà vẫn phải để Tổ kiểm tra 5S đôn đốc, nhắc nhở.

PHẦN THỨ HAI
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020
VÀ CÁC BIỆN PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

I. CÁC CHỈ TIÊU CHÍNH:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	KH năm 2020	Kế hoạch 2020			
					Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
I	Chỉ tiêu chính							
1	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	22.013	26.120	1.000	7.500	8.500	9.000
2	Khấu hao TSCĐ	Tr.đ	36.524	38.554	9.638	9.638	9.638	9.638
	Khấu hao cơ bản	Tr.đ	18.680	24.434	6.108	6.108	6.108	6.108
	Khấu hao SCL	Tr.đ	17.844	14.120	3.530	3.530	3.530	3.530
3	Lao động và TN							
	Lao động bình quân	Người	382	390	390	390	390	390
	Thu nhập bình quân người/tháng	1.000 đ	11.128	10.901	1.994	2.893	2.973	3.040
4	Dư nợ phải thu	Tr.đ	31.654	22.500	22.900	22.800	22.600	22.500
5	Giá trị thành phẩm tồn kho	Tr.đ	97.329	82.500	89.057	89.377	87.483	82.500
II	Các chỉ tiêu khác							
1	Giá trị SXKD HH	Tr.đ	598.935	587.800	103.500	159.800	162.300	162.200
2	Doanh thu thuần	Tr.đ	588.730	600.200	109.800	159.300	163.700	167.400
3	Chi phí bán hàng	Tr.đ	8.880	10.572	2.140	2.778	2.816	2.839
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Tr.đ	19.591	22.660	5.142	5.785	5.842	5.891
5	Chi phí tài chính	Tr.đ	13.331	15.736	3.732	3.954	4.058	3.992
III	Sản lượng SX-TT-TK							
1	Sản lượng sản xuất	1000m2	8.844	8.490	1.521	2.301	2.335	2.335
2	Sản lượng tiêu thụ	1000m2	8.626	8.690	1.621	2.294	2.356	2.421
3	Sản lượng tồn kho	1000m2	1.570	1.300	1.400	1.407	1.386	1.300
IV	Chỉ tiêu giao cho các PX							
1	Chất lượng A1/(A1+A2)	%	94,10	94,8	94,8	94,8	94,8	94,8
	Gạch ốp	%	95,06	95,0	95,0	95,0	95,0	95,0
	Gạch ốp lát bán sứ	%	91,23	94,0	94,0	94,0	94,0	94,0
	Ngói	%	90,81	95,0	95,0	95,0	95,0	95,0
2	Tỷ lệ thu hồi	%	97,68	98,0	98,0	98,0	98,0	98,0

II. MỤC TIÊU

1. Nâng cao chất lượng sản phẩm: Duy trì các sản phẩm gạch ốp lát đều đạt tiêu chuẩn cơ sở và tiêu chuẩn xuất khẩu. Tập trung phát triển sản phẩm cao cấp (Viglacera Platinum) tạo ra sản phẩm có sự khác biệt gồm: Sản phẩm xương trắng, sản phẩm hiệu ứng khuôn, hiệu ứng dầu in.

2. Đào tạo chuyên sâu nguồn nhân lực: Nâng cao trình độ, kiến thức, kỹ năng, tay nghề cho các cấp quản lý và người lao động trong công tác quản lý, quản trị và vận hành máy móc thiết bị để đáp ứng song hành với việc nâng cấp chất lượng sản phẩm và vận hành máy móc thiết bị mới đầu tư.

3. Nâng cao công tác bảo vệ môi trường: Với mục tiêu cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, sản phẩm thân thiện với môi trường, Công ty xanh - sạch - đẹp và phát

triển bền vững. Công ty tiếp tục thực hiện công tác đầu tư, cải tạo nhằm bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu của Pháp luật và hệ thống tiêu chuẩn ISO 14001.

4. Thực hiện các giải pháp tiết giảm chi phí, mục tiêu giảm giá thành sản phẩm so với năm 2019 từ 3% - 5%.

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ CÁC BIỆN PHÁP TRIỂN KHAI THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD 2020

1. Công tác sản xuất và phát triển sản phẩm mới.

- Thực hiện các chỉ tiêu về sản lượng, chất lượng, thu hồi, giá thành sản phẩm theo kế hoạch đề ra.

+ Mục tiêu chất lượng sản phẩm đạt 97%, không có sản phẩm có đuôi màu cao và đuôi màu nhỏ lẻ.

+ Mục tiêu giảm giá thành từ 3% - 5% trên cơ sở Phòng KHSX tìm kiếm nguồn nguyên liệu và đàm phán giảm giá mua từ 1% - 2%. Các phân xưởng và phòng kỹ thuật phối hợp điều chỉnh bài xương men để hỗ trợ giảm áp lực ép và giảm chi phí nhiên liệu, tập trung phương án để giảm chi phí nhiên liệu và chi phí men.

+ Khoán chi phí giá thành, cụ thể chi tiết hơn. Các phân xưởng tổ chức thực hiện đến người lao động để đảm bảo hiệu quả.

- Chuẩn bị kỹ phương án, đảm bảo sản xuất thành công sản phẩm mới.

PXSX01: Phát triển sản phẩm mới xương trắng.

PXSX02: Phát triển thêm 01 mẫu ngói phẳng, 01 mẫu ngói sóng mới. Phát triển các dòng sản phẩm bán sứ KT 300x300, KT 200x800.

- Vận hành sản xuất ổn định, cam kết thực hiện tốt an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, môi trường, đảm bảo an toàn cho người và thiết bị.

2. Công tác BDSCL và đầu tư

- Lập phương án bảo dưỡng sửa chữa lớn dịp Tết Nguyên đán đảm bảo an toàn, hiệu quả.

- Triển khai đầu tư bổ sung, cải tạo máy móc thiết bị sản xuất theo tiến độ kế hoạch với dự toán chi phí đầu tư cụ thể như sau:

TT	Nội dung	Tổng mức đầu tư dự kiến (tr đồng)	Thời gian thực hiện
I	Phân xưởng sản xuất 01	37.105	Quý 1,2
1	Đầu tư mới máy nghiền 60 tấn	5.306	Quý 1,2
2	Đầu tư mới máy in kỹ thuật số - System	7.109	Quý 1,2
3	Đầu tư mới dây chuyền mài bóng	19.622	Quý 1,2
4	Đầu tư mới 02 máy nén khí 37kw- Hitachi	836	Quý 1,2
5	Đầu tư mới hệ thống rửa bánh xe tự động	534	Quý 1,2
6	Cải tạo hệ thống cấp điện	3.698	Quý 1,2
II	Phân xưởng sản xuất 02	3.149	
1	Đầu tư 02 máy nghiền men 05 tấn và di chuyển hệ thống máy nghiền men	3.149	Quý 1,2
	Tổng cộng	40.254	

3. Công tác phối hợp với Công ty Kinh doanh

- Phát triển thành công các dòng sản phẩm cao cấp theo bộ thương hiệu Platinum, thương xuyên cập nhật những mẫu mã mới nhất để đưa vào sản xuất đáp ứng nhu cầu thị trường.

- Phát triển sản phẩm theo bộ mẫu, theo chủ đề và có xác nhận của Công ty Kinh doanh để tránh phát triển mẫu tràn lan.

- Quản trị tồn kho theo từng đuôi màu.

- Hàng tháng phối hợp với Công ty kinh doanh bán hết sản phẩm A2 và đuôi màu nhỏ lẻ phát sinh trong tháng.

- Đẩy mạnh công tác xuất khẩu trên cơ sở sản phẩm hiện có và sản phẩm mới.

4. Công tác Khoa học công nghệ, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực.

- Thường xuyên cập nhật và áp dụng công nghệ mới vào sản xuất.

- Phát huy các sáng kiến cải tiến kỹ thuật của CBCNV vào sản xuất để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm.

- Phối hợp với Trường Cao đẳng nghề Viglacera tổ chức đào tạo nâng cao trình độ cho CBCNV theo các chương trình đào tạo ngắn hạn và dài hạn; Trong đó bố trí các lớp đào tạo ngắn hạn hợp lý trong thời gian dừng sản xuất để bảo dưỡng máy móc thiết bị.

- Tập trung đào tạo kỹ năng vận hành máy móc thiết bị mới.

- Đẩy mạnh công tác phát triển, qui hoạch nguồn nhân lực, tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong quy hoạch, cán bộ quản lý và người lao động có chuyên môn tay nghề, có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần trách nhiệm đặc biệt là cán bộ trẻ để đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ mới theo định hướng phát triển của Tổng công ty Viglacera - CTCP.

5. Công tác môi trường

- Xử lý nước thải: Thực hiện thu gom, xử lý sau đó đưa vào tái sử dụng 100% lượng nước thải, đảm bảo không để nước thải ra ngoài môi trường.

- Xử lý bụi: Lập phương án giảm lượng bụi phát tán ra môi trường khi xuống hàng bột mịn tại kho nguyên liệu. Sử dụng hiệu quả hệ thống hút bụi và lọc bụi đảm bảo lượng bụi thải ra môi trường đạt tiêu chuẩn cho phép.

- Xử lý khí thải: Công ty sử dụng hiệu quả thiết bị lọc khí thải đảm bảo khí thải ra môi trường đạt các tiêu chuẩn cho phép.

- Xử lý chất thải rắn: Đưa vào sử dụng 100% chất thải rắn từ sản xuất vào làm nguyên liệu để giảm thiểu lượng chất thải ra môi trường.

- Thực hiện công tác 5S/Kaizen và hệ thống quản lý môi trường ISO 14001 bài bản nghiêm túc.

- Tiếp tục trồng cây xanh để tạo môi trường cảnh quan Công ty được xanh – sạch – đẹp.

6. Công tác khác

- Thực hiện việc chi trả lương và các chế độ khác cho người lao động đúng theo thỏa ước lao động tập thể.

- Cam kết thực hiện nộp đầy đủ thuế và các khoản ngân sách, BHXH cho người lao động theo đúng số phát sinh hàng tháng.

- Phát huy vai trò của Công đoàn, Ban thanh tra nhân dân trong kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Thực hiện tốt công tác an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, phòng cháy chữa cháy và phòng chống lụt bão.

Kết luận:

Bước sang năm 2020, Công ty tiếp tục đối mặt với những khó khăn, thách thức. Tuy nhiên, với những bài học đã được rút ra được trong năm 2019 và những định hướng chỉ đạo sát sao của lãnh đạo Tổng Công ty Viglacera - CTCP trong việc triển khai kế hoạch năm 2020. Tập thể CBCNV Công ty cổ phần Viglacera Thăng Long nỗ lực, quyết tâm để hoàn thành tốt các mục tiêu nhiệm vụ kế hoạch năm 2020.

Trân trọng cảm ơn!



GIÁM ĐỐC CÔNG TY
Đoàn Hải Mậu

Vĩnh Phúc, ngày 20 tháng 3 năm 2020

**BÁO CÁO CỦA HĐQT NĂM 2019 VÀ CÁC GIẢI PHÁP
THỰC HIỆN NHIỆM VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020**

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty cổ phần Viglacera Thăng Long

Thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2019 được đại hội cổ đông thông qua ngày 21/3/2019, Hội đồng quản trị Công ty đã thường xuyên chỉ đạo, định hướng cho Ban điều hành những giải pháp kinh doanh cụ thể nhằm hoàn thành mục tiêu lợi nhuận đề ra. Hội đồng quản trị báo cáo Kết quả hoạt động năm 2019; Kế hoạch và các giải pháp thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2020 trước đại hội đồng cổ đông thường niên như sau:

I. Thành phần Hội đồng quản trị

- Ông Lê Tiên Dũng - Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ông Đoàn Hải Mậu - Ủy viên, Giám đốc
- Ông Đinh Quang Huy - Ủy viên
- Bà Cao Thị Nhung - Ủy viên
- Ông Nguyễn Việt Hồng - Ủy viên

II. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019:

1. Hội đồng quản trị thống nhất kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2019 với các chỉ tiêu chính sau đây:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	% TH/KH
1	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	22.000	22.013	100
2	Khấu hao TSCĐ+SCL	Triệu đồng	34.478	36.524	106
3	Nợ phải thu	Triệu đồng	22.500	29.962	133
4	TNBQ người lao động	1000/người/tháng	10.468	11.128	106

2. Công tác đầu tư TSCĐ năm 2019:

TT	Hạng mục	Quyết toán (Tr đồng)	Ghi chú
1	Phòng cơ lý	648	
2	Kho gói base	755	
3	Tường rào	423	

4	Bể lọc trạm than	242	
5	Trạm xử lý nước mặt	1.173	
6	Mái kho thành phẩm	1.219	
7	Nhà vệ sinh	294	
8	Kho than cám	258	
9	Đường vào kho thành phẩm	552	
10	Nền móng trạm LPG	326	
11	Mở rộng nhà xưởng PXSX2	3.094	
12	Máy đóng hộp tự động 1,2,3	1.518	
13	Máy dán vỏ hộp tự động	390	
14	Máy hút bụi	158	
15	Robot line 1-2	1.810	
16	Robot line 3	1.590	
17	Robot line 4-5	1.832	
	Tổng cộng	16.282	

3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2019 Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp thường kỳ và các cuộc họp bất thường theo quy định tại điều lệ của Công ty:

* Các cuộc họp về hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Tổ chức bốn phiên họp thường kỳ: Thông qua kết quả kinh doanh của quý và định hướng kế hoạch sản xuất kinh doanh của quý tiếp theo.

- Tổ chức cuộc họp chuẩn bị công tác Đại hội cổ đông.

- Tổ chức các cuộc họp phê duyệt Quy chế đánh giá lựa chọn nhà cung cấp nguyên liệu.

- Tổ chức các cuộc họp liên quan đến công tác đấu thầu lựa chọn nhà cung cấp.

- Tổ chức họp liên quan đến công tác cán bộ.

* Các cuộc họp về hoạt động đầu tư, sửa chữa lớn:

- Tổ chức các cuộc họp xem xét dùng các dây chuyền sản xuất để bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị và kế hoạch đưa các dây chuyền vào hoạt động trở lại.

- Tổ chức các cuộc họp phê duyệt công tác đầu tư xây dựng cơ bản và công tác sửa chữa lớn TSCĐ.

4. Thù lao của HĐQT, BKS năm 2019:

- Thù lao của Hội đồng quản trị : 264.000.000 đồng.

- Thù lao Ban kiểm soát : 67.500.000 đồng.

5. Các vấn đề khác:

5.1. Công bố thông tin: Trong năm 2019, Công ty đã thực hiện việc công bố thông tin đầy đủ, kịp thời trên thị trường chứng khoán cũng như trên trang Web của Công ty: www.viglacerahanglong.com.vn

5.2. Cơ cấu cổ đông và giá cổ phiếu:

* Tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông để tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 (Ngày 28/02/2020), cơ cấu cổ đông như sau:

- Cổ đông nắm giữ trên 5% tổng số cổ phiếu của Công ty:

+ Tổng công ty Viglacera-CTCP : 3.570.000 CP, tương đương 51,07%

+ Ông Nguyễn Minh Tuấn : 932.300 CP, tương ứng 13,33%

- Cổ đông nắm giữ dưới 5% tổng số cổ phiếu của Công ty: 2.487.500 CP, tương đương 35,6%

* Giá cổ phiếu đang giao dịch: 13.000 đồng/1cổ phiếu.

III. Kế hoạch sản xuất kinh doanh và biện pháp thực hiện năm 2020

1. Một số chỉ tiêu chủ yếu:

Thống nhất các mục tiêu chủ yếu năm 2020 của ban điều hành đã trình bày trước đại hội và giao cho Ban điều hành thực hiện:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Giá trị
1	Sản lượng sản xuất	m2	8.490.000
2	Sản lượng tiêu thụ	m2	8.690.000
3	Doanh thu tiêu thụ	Tr.đồng	600.200
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	26.120
5	Khấu hao TSCĐ+SCL	Tr.đồng	38.554
6	Dư nợ phải thu	Tr.đồng	22.500
7	Thu nhập bình quân	1000/ng/tháng	10.901
8	Mức trả cổ tức tối thiểu	%	10

2. Các giải pháp thực hiện:

Bám sát các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Hội đồng quản trị chỉ đạo Ban điều hành triển khai đồng bộ các giải pháp đã trình bày trước Đại hội.

a. Về cơ cấu sản phẩm:

- Phân xưởng sản xuất 1: Sản xuất các dòng sản phẩm gạch ốp : 300x450, 300x600, 400x800.

- Phân xưởng sản xuất 2 : Sản xuất ốp 300x600 xương bán sứ in kỹ thuật số và ngói .

b. Về chất lượng sản phẩm:

- Áp dụng tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm theo Tiêu chuẩn nội bộ do Tổng công ty Viglacera
- CTCP ban hành, cụ thể TCCS GOL 01: 2013, TCCS GOL 02: 2013.

c. Kiểm soát và tiết giảm chi phí:

+ Kiểm soát chặt chẽ giá, chất lượng và quy trình nhập xuất vật tư, nhập xuất sản phẩm. HĐQT phê duyệt giá đầu vào của nguyên- nhiên vật liệu chính.

- Nghiên cứu, thử nghiệm các mẫu nguyên liệu và đàm phán giảm giá nguyên liệu xương – men, màu với nhà cung cấp.

- Thực hiện việc khoán chi phí sản xuất tới các bộ phận, rà soát hàng tháng, quy trách nhiệm cụ thể tới từng cá nhân, từng bộ phận đối với các chỉ tiêu sản lượng, chất lượng, thu hồi, hiệu quả.

d. Công tác kinh doanh:

Thực hiện đánh giá hợp đồng bao tiêu sản phẩm theo từng tháng, quý với Công ty cổ phần Kinh doanh gạch ốp lát Viglacera chi tiết theo sản phẩm, doanh thu, tiến độ dòng tiền, thu nợ để đạt được mục tiêu kế hoạch đề ra.

3. Công tác đầu tư xây dựng cơ bản, sửa chữa lớn TSCĐ:

Đại hội cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị phê duyệt phương án đầu tư năm 2020 sau :

a. Đầu tư mở rộng sản xuất :

Thông qua chủ trương dự kiến nghiên cứu đầu tư Dây chuyền sản xuất gạch ốp công suất 3 triệu m²/năm. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lập dự án và triển khai khi điều kiện cho phép.

b. Đầu tư chiều sâu :

TT	Hạng mục	Dự toán (đồng)	Ghi chú
1	Máy nghiền 60 tấn	5.306	
2	Máy in kỹ thuật số System	7.109	
3	Dây chuyền mài bóng	19.622	
4	Máy nén khí	836	
5	Hệ thống rửa xe tự động	534	
6	Cài tạo hệ thống cáp điện	3.698	
7	Máy nghiền men (02 máy) 5 tấn	3.149	
	Tổng cộng	40.254	

Thực hiện việc quyết toán các công trình xây dựng và các công tác sửa chữa lớn tài sản cố định đã hoàn thành.

4. Mức thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2020:

Thực hiện theo Quyết định số 88/TCT-HĐQT ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty về Quy chế Người đại diện của Tổng Công ty Viglacera – CTCP tại các doanh nghiệp khác. Cụ thể :

Chủ tịch Hội đồng quản trị : 15.000.000 đ/ quý

Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc : 12.000.000 đ/ quý
Các thành viên HĐQT khác : 9.000.000 đ/quý
Trưởng ban kiểm soát : 10.500.000 đ/quý
Thành viên BKS : 4.500.000 đ/quý

5. Đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty các nội dung sau đây:

- Ủy quyền phê duyệt và triển khai các công tác đầu tư mới tài sản; công tác sửa chữa lớn TSCĐ; công tác thanh lý các tài sản cố định không cần dùng theo đúng pháp luật và đảm bảo hiệu quả.

- Ủy quyền phê duyệt các báo cáo đầu tư, sửa chữa lớn TSCĐ; quyết toán vốn đầu tư; quyết toán công tác sửa chữa lớn TSCĐ của Công ty trong phạm vi quyền hạn của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc được quy định trong điều lệ của Công ty và theo quy định của Pháp luật.

- Ủy quyền quyết định các phương án vay vốn, phương án thế chấp tài sản để vay vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty.

- Ủy quyền chỉ đạo điều hành các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty theo các chỉ tiêu đã đề ra trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty.

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Vĩnh Phúc, ngày 20 tháng 03 năm 2020.

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA THĂNG LONG

Kính gửi : Các Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Viglacera Thăng Long

- Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Viglacera Thăng Long;
- Căn cứ tình hình hoạt động của Công ty, báo cáo của HĐQT, Ban điều hành và kết quả hoạt động của Ban kiểm soát trong thời gian qua.

- Ban Kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông tình hình kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2019.

I. Thành phần Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Viglacera Thăng Long gồm các thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra:

- | | |
|----------------------------|---|
| 1. Ông Ngô Trọng Toán | - Trưởng Ban Kiểm soát |
| 2. Ông Phùng Văn Hải | - Thành viên Ban kiểm soát. |
| 3. Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích | - Thành viên Ban kiểm soát (miễn nhiệm 25/05/2019). |

II. Báo cáo của Ban Kiểm soát về hoạt động kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của HĐQT, Ban điều hành năm 2019.

1. Giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành

- Trong năm 2019, Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã tuân thủ các quy định của Pháp luật trong công tác quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Các thành viên HĐQT, Ban điều hành và các cán bộ quản lý đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết Hội đồng cổ đông cụ thể:

- Triệu tập và tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên năm 2019;
- Tổ chức thực hiện các chương trình, nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Ban Kiểm soát không thấy điều gì bất thường trong hoạt động của HĐQT, Ban điều hành và các cán bộ quản lý Công ty. HĐQT và Ban điều hành đã có tinh thần trách nhiệm cao đối với sự phát triển và hoạt động kinh doanh của toàn công ty. Không để xảy ra các tranh chấp nào liên quan đến hoạt động kinh doanh cũng như không có bất kỳ xung đột nào phát sinh với những người liên quan.

2. Kiểm soát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty

- Trong năm 2019, Ban Kiểm soát không phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động của Công ty. Các quy trình hoạt động tuân thủ theo các yêu cầu của quy chế tài chính, quy định của Công ty và của pháp luật.

- Năm 2019 Ban Kiểm soát đã thực hiện họp 4 kỳ để thống nhất các công việc như kiểm tra giám sát tính tuân thủ các qui định của pháp luật và điều lệ Công ty liên quan đến công tác kế toán, bán hàng; Thẩm tra báo cáo tài chính hàng quý, sáu tháng đầu năm và báo cáo quyết toán tài chính năm 2019; báo cáo đã được công ty TNHH hãng kiểm toán AASC kiểm toán.

Một số chỉ tiêu cơ bản trong báo cáo tài chính năm 2019 như sau:

A- Các chỉ tiêu cơ bản về tài sản và nguồn vốn, hiệu quả kinh doanh.

a- Về tài sản :

- Tài sản ngắn hạn:	219.163.003.340 đồng
- Tài sản dài hạn:	148.428.570.661 đồng
Tổng tài sản:	367.591.574.001 đồng

b- Về nguồn vốn :

* Nợ phải trả:	281.242.983.025 đồng
Trong đó	
- Nợ ngắn hạn:	273.153.361.522 đồng
- Nợ dài hạn:	8.089.621.503 đồng
* Vốn chủ sở hữu:	86.348.590.976 đồng
Tổng nguồn vốn:	367.591.574.001 đồng

Các chỉ tiêu tài chính, hiệu quả kinh doanh:

Nguồn vốn chủ sở hữu/tổng nguồn vốn:	23,49%; năm 2018 là 22,15%
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu thuần:	3,74%; năm 2018 là 3,58%
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/tổng tài sản :	5,99%; năm 2018 là 5,96%

B-Kết quả sản xuất kinh doanh so với kế hoạch và cùng kỳ năm trước như sau:

TT	Khoản mục	ĐVT	Thực hiện năm 2018	KH năm 2019	Thực hiện năm 2019	Tỷ lệ % TH2019/ KH2019	Tỷ lệ % TH2019/ TH2018
1	Doanh thu thuần	Đồng	558.948.301.269	586.570.000.000	588.730.688.544	100,37	105,33
2	Giá vốn	Đồng	498.174.177.362	511.133.000.000	517.422.816.657	101,23	103,86
3	Lợi nhuận gộp (=1-2)	Đồng	60.774.123.907	75.437.000.000	71.307.871.887	94,53	117,33
4	Chi phí bán hàng	Đồng	9.412.986.571	12.425.000.000	8.330.722.881	67,05	88,50
5	Chi phí quản lý	Đồng	17.196.129.484	19.476.000.000	19.491.928.098	100,08	113,35
6	Doanh thu hoạt động TC	Đồng	128.654.052		332.457.678		258,41
7	Chi phí hoạt động TC	Đồng	12.622.662.174	11.458.000.000	13.316.177.553	116,22	105,49
8	Chi phí khác	Đồng	2.346.635.843	9.982.760.603	11.449.533.746	114,69	487,91
9	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	20.027.089.061	22.000.000.000	22.013.506.607	100,06	109,92
10	Thuế TNDN	Đồng	4.461.016.911		6.628.383.007		148,58
11	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Đồng	15.566.072.150		15.385.123.600		98,84
12	Công nợ phải thu	Đồng	22.107.009.332	22.500.000.000	29.962.944.600	133,17	135,54
13	Hàng tồn kho (TP)	Đồng	89.056.178.280	50.500.000.000	99.151.822.489	196,34	111,34

+ Doanh thu thuần năm 2019 là 588,73 tỷ đồng đạt 100,37% so với kế hoạch và bằng 105,33% so với năm 2018.

+ Lợi nhuận trước thuế năm 2019 là 22 tỷ đồng đạt 100% so với kế hoạch và bằng 109,92% so với năm 2018.

+ Hàng tồn kho thời điểm 31/12/2019 là 1.570.239 m2 tương ứng giá trị tồn kho 99 tỷ đồng tăng 48,6 tỷ đồng so với kế hoạch và tăng 10 tỷ đồng so với năm 2018.

III. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát

1. Các hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2019

Trong năm 2019, Ban Kiểm soát đã thực hiện và tiến hành các hoạt động theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cũng như tuân thủ các quy định khác của Pháp luật:

- Thực hiện giám sát hoạt động, tuân thủ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong việc quản lý, điều hành Công ty.

- Thực hiện các đợt kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và các buổi họp của Ban điều hành về kế hoạch SXKD tháng, quý, năm và báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm.

- Thường xuyên kiểm soát hoạt động sử dụng vốn của Công ty, theo dõi luân chuyển vốn tài sản của Công ty.

- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tài chính năm và sáu tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.

- Đề xuất lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập (là Công ty Kiểm toán có trong danh sách Công ty Kiểm toán được UBCKNN chấp thuận) kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán năm 2019 và có kinh nghiệm, uy tín trong công tác kiểm toán cho công ty niêm yết.

- Kiểm soát việc chấp hành chế độ chi tiêu nội bộ tại Công ty.

- Các công việc khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

2. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban điều hành

BKS luôn được cung cấp đầy đủ thông tin về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Ban điều hành; đồng thời nhận được sự hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để phục vụ cho công tác kiểm tra.

HĐQT và Ban điều hành luôn có sự trao đổi thông tin với Ban kiểm soát trong các vấn đề liên quan đến định hướng của Công ty, bám sát nhiệm vụ được giao.



IV. Kế hoạch công tác năm 2020 của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ trong toàn hệ thống để theo dõi việc thực hiện các quy chế hoạt động của Công ty và nâng cao khả năng đảm bảo an toàn về mặt tài chính.

Trong năm 2020, Ban kiểm soát sẽ duy trì công tác kiểm soát thường xuyên và định kì hàng quý theo đúng Điều lệ của Công ty và phù hợp với quy định của Pháp luật, đảm bảo hoạt động của Công ty luôn tuân thủ quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán góp phần làm cho Công ty ngày càng phát triển và đạt hiệu quả kinh doanh cao, tài chính minh bạch đảm bảo lợi ích của cổ đông, quyền lợi của cán bộ nhân viên.

Trân trọng báo cáo!

Nơi nhận:

- HĐQT công ty;
- Quý Cổ đông;
- Lưu Ban kiểm soát.

T/M BAN KIỂM SOÁT
Trưởng ban

Ngô Trọng Toán

